

Bản án số: 215/2025/HS-PT

Ngày: 27/8/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đ;

Các Thẩm phán: Ông Võ Hồng S;

Ông Nguyễn Tiến D.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân T, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn B - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 758/2025/TLPT-HS ngày 09 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Thị L và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2025/HS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Thị L; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1983, tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi thường trú: Số 07/409 Lê Thánh Tông, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nay là: Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện tại: Số 79 Lê Duy Mật, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nay là: Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; G tính: Nữ; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông Nguyễn Văn T (SN 1957); Con bà Nguyễn Thị T (SN 1960); Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con đầu; CH: Nguyễn Văn Đ (SN 1984); Có 02 con (lớn SN 2006, nhỏ SN 2014); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 12/8/2023, bị Sở thông tin và truyền thông xử phạt vi phạm hành chính 10.000.000đ về hành vi “Tàng trữ, phát hành xuất bản phẩm không có hóa đơn chứng từ để chứng minh nguồn gốc” đối với 05 đầu sách. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2024 đến ngày 31/10/2024 được thay đổi bằng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

2. Lê Anh D; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1981, tại TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Số 14/40 Đông Tác, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nay là: Phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch:

Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; G tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên nhà sách Việt Lý; Con ông Lê Văn C (SN 1945); Con bà Lê Thị C (đã chết); Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư; Vợ: Đỗ Thị T (SN 1983); Có 03 con (lớn SN 2009, nhỏ SN 2018); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tháng 8/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử 18 tháng tù về tội “Tàng trữ vũ khí quân dụng”. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2024 đến ngày 31/10/2024 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

3. Nguyễn Thị Thu H; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1979, tại tỉnh Phú Thọ; Nơi thường trú: Tập thể học viện bưu chính viễn thông, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành Phố Hà Nội; nay là: Phường Kiến Hưng, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện tại: Phòng 604, nhà N9, Chung cư Đồng Tàu, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành Phố Hà Nội; nay là: Phường Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; G tính: Nữ; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Ngọc V (SN 1952); Con bà Nguyễn Thị X (SN 1958); Gia đình có 02 chị em, bị cáo là đầu; CH: Mai Anh Đ (đã ly hôn); Có 02 con (lớn SN 2004, nhỏ SN 2011); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2024 đến ngày 31/10/2024 được thay đổi bằng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

4. Đới Sỹ Đ; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1970, tại huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn 2, xã Quảng H, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nay là: Xã Quảng Ninh, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; G tính: Nam; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đới Sỹ T (đã chết); Con bà Lê Thị L (SN 1946); Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ: Nguyễn Thị H (SN 1975); Có 02 con (lớn SN 1998, nhỏ SN 2013); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2024 đến ngày 31/10/2024 được thay đổi bằng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

5. Nguyễn Văn Đ; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1991, tại huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Nội Tý, xã Hoằng Đức, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nay là: Xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; G tính: Nam; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn T (SN 1957); Con bà Nguyễn Thị T (SN 1960); Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ tư; Vợ: Lưu Thị N (SN 1993); Có 05 con (lớn SN 2013, nhỏ SN 2024); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 18/10/2018 bị Công an huyện Hoằng Hóa, xử phạt vi phạm hành chính 750.000đ về hành vi đánh nhau; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo được áp dụng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

6. Lê Thị N; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1984, tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: SN 171, đường Tổ Hữu, phố 1, thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nay là: Xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; G tính: Nữ; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông Lê Đình V (SN 1957); Con bà Lê Thị H (SN 1960); Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con đầu; CH: Lê Văn L (SN 1984); Có 03 con (lớn SN

2010, nhỏ SN 2020); Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo được áp dụng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

* Trong vụ án còn có: Các bị cáo Lê Viết H, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn G và những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo; các bị cáo không bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 25 phút ngày 13/7/2024, Tổ công tác số 01 Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa phối hợp với Công an huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa kiểm tra xe ô tô BKS 36A-752.01 do anh Nguyễn Văn Đ (SN 1984), trú tại SN 07/409 Lê Thánh Tông, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa, điều khiển, phía sau thùng xe có 09 thùng catton bên trong chứa nhiều loại sách khác nhau nhưng không có hóa đơn, chứng từ. Anh Đ khai số sách trên lấy từ nhà Nguyễn Văn Đ (SN 1991), ở thôn Nội Tý, xã Hoằng Đức, huyện Hoằng Hóa (là em vợ Anh Đ). Sau khi Công an kiểm tra thu sách của Anh Đ, Đ đã tự nguyện giao nộp 165 thùng sách, theo Đ khai số sách trên là sách giả do chị gái là Nguyễn Thị L gửi.

Đến khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày, Tổ công tác số 02 phối hợp với Đội CSGT Công an thành phố Thanh Hóa kiểm tra xe ô tô BKS 36C-333.72 do anh Lê Mạnh C (SN 1977), ở SN 27, Nguyễn Huy Tự, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, phát hiện phía sau thùng xe có 30 thùng catton bên trong chứa các loại sách nhưng không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc. Anh C khai, số sách đang vận chuyển là của Nguyễn Thị L - Chủ cửa hàng sách Đồng L thuê chở. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị L tại số 79 Lê Duy Mật, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, Cơ quan An ninh Điều tra thu giữ 21 thùng sách (nghỉ giả) và khám xét khẩn cấp nơi làm việc của cửa hàng sách Đồng L tại địa chỉ số 05 Lê Lai, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa thu giữ 16 thùng sách các loại.

Ngày 14/7/2024, Nguyễn Thị L đến Công an tỉnh Thanh Hóa xin đầu thú, khai nhận: Nguồn gốc số sách giả trên, một phần L lấy của Nguyễn Thị Thu H (SN 1979) trú tại tập thể Học viện Bưu chính viễn thông, phường Mỹ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội và Đới Sỹ Đ (SN 1970), trú tại thôn 2, xã Quảng H, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, Hà và Đ đã lấy lại từ xưởng in của Nguyễn Đình K (SN 1978), trú tại Đội 8, thôn Viêm Khê, xã Hợp Tiến, huyện Mỹ Đức, Hà Nội, số còn lại L lấy từ một đầu mối ở Đà Nẵng (việc mua bán liên hệ qua ứng dụng Telegram nên không thể hiện thông tin số điện thoại, địa chỉ, tên tuổi người bán).

Ngày 17/7/2024, Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa tiến hành khám xét xưởng in của Nguyễn Đình K tại thôn Tương Chúc, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì phát hiện và thu giữ 14.008 cuốn sách giả với tổng giá trị niêm yết trên bìa là 668.937.000đ và máy móc phụ kiện để sản xuất sách giả. Trong đó, một phần được thu giữ tại xưởng in, một phần được cất giấu tại khuôn viên xưởng

bên cạnh do chị Vũ Thị Thúy H (SN 1987), ở chung cư Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội quản lý. K khai nhận, toàn bộ số sách này được K thuê Nguyễn Đức T (SN 1971), trú tại xã Hùng Tiến, huyện Mỹ Đức, Hà Nội và Nguyễn Văn G (SN 1976), trú tại xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, Hà Nội cùng sản xuất nhưng chưa kịp tiêu thụ.

1. Hành vi sản xuất sách giả của Nguyễn Đình K và hành vi giúp sức của Nguyễn Đức T và Nguyễn Văn G.

Năm 2020, Nguyễn Đình K thuê xưởng in tại thôn Tương Chúc, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội của anh Trịnh Năng Phương (SN 1971), trú tại xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì. Sau khi thuê được xưởng, K đem toàn bộ thiết bị máy móc của gia đình, gồm máy in OFFSET, máy xén và các phụ kiện in khác đến xưởng để lắp ráp, phục chế nhằm hoạt động xưởng in nhưng không đăng ký kinh doanh và không thực hiện thủ tục đăng ký cấp phép in ấn theo quy định. Từ tháng 5/2020 đến tháng 3/2022, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên K không sản xuất, in ấn. Đến tháng 4/2022, K thuê Nguyễn Đức T và Nguyễn Văn G với mức lương dao động từ 16-18 triệu đồng/tháng để in ấn các bản in đơn giản như vở kẻ Nng, truyện các loại...

Đầu năm 2023, K có ý định sản xuất sách giả nên đã chỉ đạo Nguyễn Đức T và Nguyễn Văn G cùng tham gia. Đến tháng 5/2023, K, T, G bắt đầu sản xuất thành công đối với sách giáo khoa Tiếng Anh và sách bài tập Tiếng Anh giả (bộ sách Global Success của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam) từ lớp 3 đến lớp 9 (tổng có 14 đầu sách). Do công việc không ổn định, lại mắc bệnh sỏi thận nên tháng 7/2023 G xin nghỉ để điều trị bệnh. Trong khoảng thời gian G nghỉ, K và T đã sản xuất giả thành công vở thực hành Toán và tiếng Việt từ lớp 1 đến lớp 4 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đến tháng 4/2024, G quay trở lại làm việc tại xưởng của K và cùng tham gia sản xuất sách giả. Do đã từng làm công nhân vận hành máy tại một số nhà máy in lớn được Nhà nước cấp phép nên T và G biết rõ cơ sở hạ tầng, máy móc, trang thiết bị linh kiện xưởng in của K không đảm bảo và đúng quy trình, xưởng in không đăng ký hoạt động kinh doanh, toàn bộ sách giáo khoa sản xuất ra là sách giả.

Quá trình sản xuất sách giáo khoa giả, mọi nguyên vật liệu, xử lý file PDF, thuê gia công bản kẽm (ghi kẽm), bôi keo, dán bìa cắt xén để tạo thành sản phẩm hoàn chỉnh là do K chuẩn bị, điều hành. T và G có trách nhiệm vận hành máy, pha và đổ mực, trông sản phẩm, bê giấy, xếp giấy đã in bán thành phẩm theo thứ tự số trang. Ngoài ra, để có tem giả dán vào bìa sau của sách, K đã mua một vài quyển sách giả của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, sau đó scan tem sách (thật) thành file PDF và tiến hành chỉnh sửa cho sắc nét rồi gửi file đến cơ sở “Innhanh Pro” ở đường Lê Thanh Nghị, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội để thuê in. Việc hoàn thiện sản phẩm do tự mình làm không kịp nên K đã gửi bản in bán thành phẩm, bìa và tem giả cho Dương Thị H N (SN 1979), trú tại Khu tập thể in Bộ Tổng tham mưu thuộc thôn Lưu Phái, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội để thuê gia công rồi gửi lại bản thành phẩm cho K. Từ năm 2023 đến tháng 7/2024, K, T và G đã sản xuất được khoảng gần 40.000 quyển

sách giáo khoa giả các loại của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

Sau khi sản xuất được sách giả, K là người chở đi bán hoặc có nhiều khách hàng trực tiếp đến xưởng để lấy và thanh toán tiền cho K. Ngoài ra, K còn thuê Đới Sỹ Đ chở các thùng catton gửi đến các địa chỉ cho khách hàng. Thấy K sản xuất sách giả nên Đ đã liên lạc với Nguyễn Thị Thu H đặt vấn đề mua sách từ K để bán lại kiếm lời, Hà đồng ý. Sau đó, K đã gửi mẫu cho Hà và Đ thông báo chiết khấu đối với loại sách giả này là 68% so với giá niêm yết trên bìa, khi nào có khách hàng đặt mua, Hà sẽ thông báo cho Đ lấy hàng của K để bán.

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2023 đến ngày 13/7/2024, Nguyễn Đình K đã bán cho Đới Sỹ Đ và Nguyễn Thị Thu H khoảng 25.000 quyển sách giả các loại của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam không có hoá đơn, chứng từ, giá trị niêm yết trên bìa là 1.497.942.889 đồng, sau khi trừ chiết khấu, số tiền Đ và Hà pH trả cho K là 564.443.276 đồng. Ngoài số sách bán cho Đ và Hà, khi khám xét xưởng in của K Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Thanh Hoá còn thu giữ 14.008 quyển sách giáo khoa giả các loại của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, với tổng giá trị niêm yết trên bìa là 668.937.000đ, số sách này K, T và G mới sản xuất chưa kịp tiêu thụ. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, ngày 20/7/2024, Nguyễn Đình K đã chết, nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

- Đối với, Nguyễn Đức T biết rõ việc Nguyễn Đình K sản xuất sách giả nhưng vẫn giúp sức trong công đoạn in ấn nên T pH chịu trách nhiệm đối với số sách giả sản xuất ra có tổng giá trị niêm yết trên bìa được K bán cho Nguyễn Thị Thu H và Đới Sỹ Đ là 1.497.942.889đ và số sách khám xét thu giữ tại xưởng của K có tổng giá trị theo bìa là 668.937.000đ. Như vậy, tổng số tiền T pH chịu trách nhiệm hình sự là 2.166.879.889đ. Quá trình làm việc, từ ngày 25/5/2023 đến tháng 7/2024, K đã chuyển trả tiền công cho T với tổng số tiền là 85.500.000đ. Ngày 20/7/2024, T đã đến Công an tỉnh Thanh Hoá xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

- Đối với, Nguyễn Văn G pH chịu trách nhiệm với hành vi giúp sức cho K sản xuất sách giả. Trong thời gian từ tháng 4/2023 đến tháng 7/2023 và từ tháng 4/2024 đến tháng 7/2024 với số sách có tổng giá trị theo bìa là 731.387.000đ. (trong đó, số sách thu giữ khi khám xét xưởng của K có tổng giá trị theo bìa là 668.937.000đ, số sách xác định dựa vào giao dịch của Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị Thu H có tổng giá trị theo bìa là 62.450.000đ). Từ ngày 11/02/2023 đến tháng 7/2024, K đã chuyển trả tiền công cho G tổng là 106.000.000đ. Ngày 20/7/2024, G tới Công an tỉnh Thanh Hoá xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

2. Hành vi buôn bán sách giả của Nguyễn Thị Thu H và Đới Sỹ Đ:

Năm 2021, Đới Sỹ Đ và Nguyễn Thị Thu H đều làm việc tại Nhà sách Minh Thuận, sau đó, Nhà sách Minh Thuận bị bắt nên Hà và Đ nghỉ việc. Đến tháng 4/2023, Đ ra Hà Nội để chạy xe ôm và được K thuê chở hàng là các thùng catton sách giao cho khách, biết sách K bán là giả nên Đ đã liên lạc với Hà tìm kiếm khách hàng để lấy sách giả của K bán lại kiếm lời. Hà đồng ý, hai bên thoả thuận, Hà sẽ là người tìm kiếm khách, tiếp nhận đơn đặt hàng và gửi thông tin của khách

hàng cho Đ. Sau đó, Đ liên hệ với K lấy hàng rồi đem ra xe khách gửi đến các địa chỉ của người mua mà Hà đã cung cấp. Hà là người trực tiếp thanh toán tiền với khách, số tiền phần trăm được hưởng, Hà và Đ chia đôi.

Vào khoảng tháng 7/2023, thông qua người tên O ở Hà Nội, Hà đã liên lạc chào bán sách cho Nguyễn Thị L. Hà G thiệu đang bán một số loại sách in ngoài, nếu L mua lại, sẽ để cho giá chiết khấu cao nhất 60% (đối với sách Tiếng Anh), L đồng ý. Hai bên thoả thuận, thanh toán bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng, để tránh bị các cơ quan chức năng phát hiện, L dẫn H gửi hàng qua nhà xe D H (địa chỉ: Số 203B, đường Trịnh Khả, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, chạy tuyến Thanh Hóa - Hà Nội), khi gửi hàng thì không ghi thông tin, số điện thoại lên trên thùng mà chỉ cần ghi số “7”, đơn vị giao hàng sẽ biết đó là hàng của L. Thống nhất được nội dung nêu trên, mỗi khi có nhu cầu lấy hàng, L sẽ báo lại số lượng sách và tính toán số tiền pH trả thực tế cho Hà. Có được đơn hàng từ L, Hà liên hệ với Đ, báo số lượng sách và từng loại sách cần lấy để Đ liên hệ với K lấy hàng và gửi cho L.

Đến tháng 12/2023, biết Nguyễn Đình K sản xuất được vở thực hành Toán, Tiếng Việt từ lớp 1 đến lớp 4, Hà và Đ đã thỏa thuận để mua từ K với chiết khấu 60% rồi bán lại cho L với chiết khấu 55%. Quá trình điều tra xác định, từ tháng 7/2023 đến tháng 7/2024, Nguyễn Thị Thu H và Đới Sỹ Đ đã lấy sách giáo khoa giả từ Nguyễn Đình K bán lại cho L khoảng 07 lần, tương đương khoảng 300 thùng sách (mỗi thùng dao động từ 80 - 100 cuốn sách). Loại sách Đ và H mua của K bán lại cho L gồm: Sách Tiếng Anh lớp 3, 4, 5 (mỗi lớp gồm 03 loại là sách học sinh tập 1, sách học sinh tập 2, sách bài tập), sách Tiếng Anh lớp 6 (gồm 04 loại sách là sách học sinh tập 1, tập 2; sách bài tập tập 1 và tập 2), sách Tiếng Anh lớp 7, 8, 9 (mỗi lớp gồm 02 loại là sách học sinh và sách bài tập), vở thực hành lớp 1,2, 3, 4 (mỗi lớp có 04 loại là sách thực hành toán tập 1, tập 2; sách thực hành Tiếng Việt tập 1, tập 2) đều mang thông tin do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam sản xuất năm 2023 và năm 2024. Sau khi trừ tiền chiết khấu, số tiền Đ và Hà pH trả cho K là 564.443.276đ (toàn bộ số tiền này đến nay, Đ và H đã trả hết cho K).

Ngoài lấy sách giáo khoa giả của K bán lại cho L, Đ còn lấy bán lại cho một số đầu mối nhỏ lẻ khác. Tuy nhiên, do Đ không còn thông tin để cung cấp phục vụ yêu cầu điều tra nên Cơ quan Điều tra không có đủ căn cứ để xác minh, xử lý. Bên cạnh bán sách giả cho L, Nguyễn Thị Thu H liên hệ được với Nguyễn Thị V (SN 1987), trú tại thôn Xuân Hương, xã Thành Tân, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa để G thiệu và bán sách giả. Khi G thiệu sách giả cho V, H đã cố ý làm mờ các thông tin liên quan để V không được biết sách Hà giao bán là giả. Theo đó, H G thiệu đang bán sách nổi bản (do Nhà sản xuất chính thống sản xuất thêm theo đơn đặt hàng của các nhà sách nhưng sau đó không nhập hết, dẫn đến bị tồn kho) nên V muốn lấy thử một ít về bán (H chiết khấu cho 28% giá trị trên bìa). Nhận được đơn của V, H đã liên hệ với Đ thông báo đơn hàng để Đ lấy sách giả giao về địa chỉ cho V. Để tránh bị phát hiện, H đã sử dụng số tài khoản 19036469434015 mang tên Mai Lan N (SN 2004 - con gái H) mở tại ngân hàng Techcombank để giao dịch nhận tiền với Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị V. Theo đó, L đã 06 lần chuyển khoản cho Hà với tổng số tiền 334.980.000đ (ba trăm ba tư triệu, chín

trăm tám mươi nghìn đồng) vào các ngày 04/7/2023 (4.280.000đ), 11/7/2023 (20.700.000đ), 18/3/2024 (70.000.000đ), 21/3/2024 (40.000.000đ), 01/7/2024 (100.000.000đ) và 11/7/2024 (100.000.000đ). Đến nay, L còn nợ số tiền 308.382.000đ (ba trăm lẻ tám triệu, ba trăm tám hai nghìn đồng).

Như vậy, từ tháng 7/2023 đến ngày 13/7/2024, Đới Sỹ Đ và Nguyễn Thị Thu H đã bán sách giáo khoa giả của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cho Nguyễn Thị L với giá trị niêm yết trên bìa là 1.475.449.889đ, số tiền thực tế L pH trả cho Hà và Đ là 643.362.000đ và bán cho Nguyễn Thị V số sách giáo khoa giả có giá trị niêm yết trên bìa là 22.493.000đ, số tiền thực tế V pH trả cho Đ và Hà là 16.195.000đ. Tổng số tiền Hà và Đ thu về khi bán sách giả cho L và V là 659.557.000đ. Sau khi trừ toàn bộ số tiền pH thanh toán cho Nguyễn Đình K, số tiền hưởng L của Đ và Hà là 95.113.724đ (chín trăm ba mươi lăm triệu, một trăm mười ba nghìn, bảy trăm hai bốn đồng), mỗi bị cáo được hưởng số tiền thu lời bất chính 47.556.862đ (bốn bảy triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng), tuy nhiên, đến nay L còn nợ Hà và Đ số tiền là 308.382.000đ. Ngày 17/7/2024, Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa khám xét nơi ở của Hà và Đ thu giữ nhiều tài liệu liên quan đến việc buôn bán sách giả. Ngày 19/7 và ngày 20/7/2024, Đới Sỹ Đ và Nguyễn Thị Thu H đã đến Công an tỉnh Thanh Hóa xin đầu thú, khai nhận về hành vi phạm tội của mình.

3. Hành vi của Nguyễn Thị L và hành vi giúp sức của Nguyễn Văn Đ:

Năm 2014, Nguyễn Thị L mở cửa hàng kinh doanh sách, văn phòng phẩm, đồ dùng học sinh tại số 05 Lê Lai, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa; đến cuối năm 2023 L mua nhà tại số 79 Lê Duy Mật, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa và mở thêm cơ sở kinh doanh sách tại địa chỉ này. Trong quá trình kinh doanh, buôn bán sách, văn phòng phẩm, L quen biết một người tên Oanh ở Hà Nội (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể). Đến khoảng tháng 7/2023, L nhận được điện thoại của Nguyễn Thị Thu H, G thiệu là bạn của Oanh, hiện đang có nguồn sách in ngoài, chiết khấu cao (60%). Nghe Hà G thiệu, L biết đây là sách giả nhưng vì hám L, nên L đã đồng ý nhập sách từ Hà về bán.

Để có nơi cất dấu sách giả mua từ H, tránh bị cơ quan liên ngành tỉnh Thanh Hóa tiếp tục phát hiện, L đã bàn với em trai là Nguyễn Văn Đ, cho mượn nhà riêng để cất dấu. Khi có người đặt mua sách, L sẽ nhờ Đ soạn hàng theo đơn rồi gửi cho khách theo thông tin, địa chỉ do L cung cấp, tiền công và tiền mượn nhà để sách cuối vụ (hết năm học) L sẽ thanh toán, Đ đồng ý. Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2023 đến ngày 13/7/2024, L đã mua của Hà và Đới Sỹ Đ khoảng 300 thùng sách, mỗi thùng từ 80 - 100 cuốn, các loại sách như: Sách Tiếng Anh lớp 3, 4, 5 (mỗi lớp gồm 03 loại là sách học sinh tập 1, sách học sinh tập 2, sách bài tập), sách Tiếng Anh lớp 6 (gồm 04 loại sách là sách học sinh tập 1, tập 2; sách bài tập tập 1 và tập 2), sách Tiếng Anh lớp 7, 8, 9 (mỗi lớp gồm 02 loại là Sách học sinh và sách bài tập), vở thực hành lớp 1, 2, 3, 4 (mỗi lớp có 04 loại là sách thực hành toán tập 1, tập 2; sách thực hành Tiếng Việt tập 1, tập 2) đều mang thông tin do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam sản xuất năm 2023 và năm 2024. Tổng số tiền L mua sách của Hà và Đ là 1.475.449.889đ.

Đến tháng 12/2023, do có nhu cầu mua thêm một số đầu sách giả về bán nhưng H không có nên L tiếp tục liên hệ với người có tên là O để nhờ G thiêu các đầu mỗi bán sách giả khác. Sau đó, O đã G thiêu cho L một đầu mỗi tại Đà Nẵng. Qua trao đổi, người bán sách nói với L có nhiều đầu sách khác nhau, giá chiết khấu từ 55% - 60%, còn có sách Tiếng Anh bộ “Smart” của Nhà xuất bản Đ học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh được chiết khấu bằng giá “net” (giảm tiền trực tiếp trên giá bìa). Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2023 đến ngày 13/7/2024, L đã mua từ đầu mỗi này khoảng 1000 thùng sách giả các loại, gồm: Sách giáo khoa Tiếng Anh và sách bài tập Tiếng Anh đều thuộc bộ Global Success của Nhà xuất bản Giáo dục Việt nam từ lớp 1 đến lớp 11; sách giáo khoa Tiếng Anh và sách bài tập Tiếng Anh đều thuộc bộ I Learn Smart của Nhà xuất bản Đ học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh từ lớp 1 đến lớp 11; vở bài tập Toán và vở bài tập Tiếng Việt (tập 1 và tập 2) thuộc Bộ kết nối tri thức của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam từ lớp 1 đến lớp 4. Theo sổ ghi chép, số sách L mua từ đầu mỗi này, có tổng số tiền tính theo giá bìa là 7.252.847.111đ. Việc mua bán sách giữa L và đầu mỗi này thông qua ứng dụng Telegram, gửi hàng qua xe tải hoặc xe khách tuyến Bắc - Nam, thanh toán bằng tiền mặt, không nhận giao dịch chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng. Ngoài ra, không có bất kỳ thông tin gì khác nên Cơ quan Điều tra không có cơ sở để xác minh.

Sau khi mua được số sách giả từ Nguyễn Thị Thu H và đầu mỗi ở Đà Nẵng, L mang về cất dấu tại nhà Nguyễn Văn Đ và đem đến 02 địa chỉ kinh doanh của gia đình để bán cho khách hàng mua lẻ và bán lại cho Lê Anh D, nhân viên nhà sách Việt Lý với chiết khấu từ 31% - 68% theo giá trị niêm yết trên bìa (đối với sách tiếng Anh hoặc bài tập Tiếng Anh bộ Global của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam chiết khấu 53%, sách Tiếng Anh hoặc bài tập Tiếng Anh bộ Smart của Nhà xuất bản Đ học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh và Đ học Huế không tính theo phần trăm chiết khấu mà trừ trực tiếp vào tiền sách nhưng dao động khoảng 68%, vở thực hành Toán, Tiếng Việt từ lớp 1 - lớp 4 chiết khấu 48%, vở bài tập Toán, Tiếng Việt từ lớp 1 - lớp 4 chiết khấu 31%). Trên sổ sách theo dõi giữa L và D, tổng số tiền sách L đã bán cho D theo giá trị niêm yết trên bìa là 7.484.933.000đ, số tiền thực tế sau khi chiết khấu D pH trả cho L là 4.031.305.066đ. Đến nay, D mới thanh toán và đã trả cho L được 2.030.000.000đ, còn nợ lại 2.001.305.066đ.

Như vậy, Nguyễn Thị L đã bán cho Lê Anh D đối với số sách giả của Nhà xuất bản Đ học Huế và Nhà xuất bản Đ học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (toàn bộ là sách tiếng Anh mua từ đầu mỗi tại Đà Nẵng), L mua với chiết khấu 70%, bán cho D với chiết khấu 68%, L được hưởng L 02%, (tổng giá trị ghi trên bìa của loại sách giả này L bán cho D là 1.161.757.000đ) nên L được hưởng L 23.235.140đ; số sách Tiếng Anh giả của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam có tổng giá trị trên bìa là 3.437.544.000đ (ba tỷ, bốn trăm ba bảy triệu, năm trăm bốn bốn nghìn đồng), L mua được với mức chiết khấu 60%, khi bán cho D chiết khấu 52%, được hưởng chênh lệch 08% tương ứng với số tiền được hưởng là 275.003.520đ (hai trăm bảy mươi lăm triệu, không trăm lẻ ba nghìn, năm trăm hai mươi đồng); sách giả Vở bài tập Toán, vở bài tập Tiếng Việt của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam có tổng giá trị trên bìa là 2.445.375.000đ (hai tỷ, bốn trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm

bảy trăm nghìn đồng) L mua được với mức chiết khấu 35%, bán cho D với mức chiết khấu 31%, được hưởng L 04%, tương ứng với số tiền được hưởng là 97.815.000đ (chín bảy triệu, tám trăm mười lăm nghìn đồng); sách giả Võ thực hành Toán, vở thực hành Tiếng Việt của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam có tổng giá trị trên bìa là 440.257.000đ, L mua được với mức chiết khấu 55%, bán cho D với mức chiết khấu 43%, được hưởng L 12%, tương ứng với số tiền 52.833.000đ (năm hai triệu, tám trăm tám ba nghìn đồng). Do đó, Tổng số tiền thu L bất chính từ việc L bán sách giả cho D là 448.886.660đ. Tuy nhiên đến nay, D đang còn nợ L lại số tiền 2.001.305.066đ.

- Nguyễn Văn Đ, khi được L đặt vấn đề mượn nhà riêng để cất sách, Đ biết các thùng thùng sách L mua từ nhà xe chuyển đến không có thông tin nhà sản xuất mà chỉ đóng vào các thùng catton đơn giản, trong quá trình soạn sách để chuyển cho khách mua theo yêu cầu của L, Đ nhận thấy chất lượng sách in không đồng đều, có cuốn nhòe mực, không sắc nét, cùng loại sách nhưng có mực đậm nhạt khác nhau không giống sách của nhà xuất bản thật, L không cho Đ số điện thoại cũng như thông tin của bên nhận hàng, việc giao nhận sách của L không công khai có hành động lén lút nên Đ đã nghi ngờ và hỏi L đây có pH sách giả không thì L nói lại tại sao Đ biết. Nghe L trả lời như vậy, Đ khẳng định toàn bộ số sách mà L cất giấu tại nhà đều là sách giả. Tuy nhiên, vì nhận thức pháp luật chưa đầy đủ, hơn nữa còn vì mối quan hệ gia đình nên Đ vẫn đồng ý giúp L. Ngày 14/7/2024, Nguyễn Văn Đ đến Công an tỉnh Thanh Hoá xin đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

4. Hành vi phạm tội của Lê Anh D:

Do là nhân viên bán hàng cho nhà sách Việt Lý ở thành phố Thanh Hoá nên D biết Nguyễn Thị L có nguồn sách giả bán. Vào khoảng cuối năm 2023, D gặp L đặt vấn đề mua sách giả để bán lại cho các cửa hàng kinh doanh sách nhỏ lẻ trên địa bàn các huyện trong tỉnh, L đồng ý bán lại sách giả cho D. Hai bên thoả thuận, khi có khách hàng đặt mua, D sẽ chốt đơn về số lượng, chủng loại sách rồi báo lại để L soạn hàng gửi sách cho khách theo thông tin mà D cung cấp, khi nào khách hàng thanh toán tiền thì D mới pH thanh toán cho L qua tài khoản ngân hàng hoặc tiền mặt. Trong khoảng thời gian, từ cuối năm 2023 đến tháng 7/2024, D đã mua và chuyển thông tin để L đóng sách gửi cho khách hàng mua sách giả, gồm: Nhà sách Lê Thị N thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương; nhà sách Lê Viết H ở thị xã Nghi. Ngoài ra, theo thông tin của D đưa L còn chuyển sách giả cho 56 trường hợp là các chủ nhà sách, hiệu sách, cửa hàng nhỏ lẻ khác trên địa bàn các huyện thuộc tỉnh Thanh Hóa với tổng số tiền theo giá trị niêm yết trên bìa là 7.484.933.000đ, số tiền thực tế sau khi chiết khấu D pH trả là 4.031.305.066đ. Hiện nay chỉ xác minh được 28 trường hợp mua sách của D nhưng họ không biết là sách giả, còn 28 trường hợp không xác định được nhân thân, lai lịch.

Như vậy, tổng số tiền sách D mua của L theo giá trị niêm yết trên bìa là 7.484.933.000đ, số tiền thực tế sau khi chiết khấu D pH trả cho L là 4.031.305.066đ. Đến nay, D mới thanh toán và đã trả cho L được 2.030.000.000đ, số tiền còn nợ lại là 2.001.305.066đ. Tuy nhiên, khi khám xét nhà Lê Thị N và Lê

Viết H Cơ quan An ninh Điều tra đã thu giữ 57.155 quyển sách giả có trị giá sau chiết khấu là 883.140.750đ (số sách này N và H đã mua của D nên cần pH trừ vào số tiền mà D chưa thanh toán cho L). Ngoài ra, quá trình điều tra xác định có 18/24 trường hợp mua sách còn nợ tiền của D và 28 trường hợp không xác định được thông tin để làm việc nên không có cơ sở xác định những người này còn nợ tiền của D. Do đó, sau khi trừ đi số tiền sách đã bị thu giữ có giá trị nêu trên, buộc D pH nộp lại số tiền 1.118.164.316đ chưa trả cho L để sung quỹ Nhà nước.

5. Hành vi phạm tội của Lê Thị N:

Do trước đây thường xuyên đến mua sách và văn phòng phẩm tại nhà sách Việt Lý nên N quen biết với Lê Anh D. Đến khoảng giữa tháng 5/2024 khi chuẩn bị vào năm học mới, D đến gặp N chào bán các đầu sách giáo khoa như mọi lần, đồng thời D còn G thiệu có sách nổi bản, sách trốn thuế gồm các đầu sách, như: Vở bài tập Toán, Tiếng Việt, vở thực hành Toán, Tiếng Việt từ lớp 1 đến lớp 4 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; sách Tiếng Anh và sách bài tập Tiếng Anh từ lớp 1 đến lớp 9 (bao gồm bộ Global Success của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và bộ I Learn Smart của Nhà xuất bản Đ học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh), nếu N mua thì D sẽ chiết khấu cao. Cụ thể: đối với vở bài tập Toán chiết khấu 25%; Tiếng Việt chiết khấu 35%; đối với vở thực hành Toán, Tiếng Việt chiết khấu 40%; đối với sách Tiếng Anh và bài tập Tiếng Anh bộ Global Success chiết khấu 50%; đối với sách Tiếng Anh và sách bài tập Tiếng Anh bộ I Learn Smart. Nghe G thiệu, N biết rõ sách D bán là giả nhưng vì hám L nên N đã đồng ý nhập sách giả từ D về để bán. Sau khi cân đối, N đã đặt mua của D số lượng sách giả, gồm: Vở bài tập Toán, vở bài tập Tiếng Việt từ lớp 1 đến lớp 4 (gồm tập 1 và tập 2): Mỗi loại 10 thùng; sách Tiếng Anh (bộ I Learn Smart) lớp 1 (01 thùng), lớp 2 (01 thùng), lớp 3 (50 bộ = 100 quyển), lớp 4 (50 bộ = 100 quyển), lớp 5 (30 bộ = 60 quyển); sách bài tập Tiếng Anh (bộ I Learn Smart) lớp 1 (01 thùng), lớp 2 (02 thùng); sách Tiếng Anh (bộ Global Success) lớp 7 (01 thùng); sách bài tập Tiếng Anh (bộ Global Success) lớp 7 và lớp 4 (mỗi loại 01 thùng). Nhận đơn đặt hàng từ N, nhưng do số sách không có đủ để gửi một lần nên N và D đã thống nhất với số lượng sách trên gửi thành nhiều đợt. Do đó, từ tháng 5/2024 đến tháng 7/2024, D đã gửi sách cho N thành 05 lần. Cụ thể:

- Ngày 26/5/2024, D gửi các đầu sách gồm: Vở Bài tập Toán từ lớp 01 đến lớp 4 (gồm tập 1 và tập 2), mỗi đầu 10 thùng; vở bài tập Tiếng Việt lớp 1 (tập 1 = 7 thùng, tập 2 = 9 thùng), lớp 2 (tập 2 = 10 thùng), lớp 3 (tập 1 = 7 thùng, tập 2 = 8 thùng), lớp 4 (mỗi loại 10 thùng). Tổng số sách mà D gửi cho N lần 1 là 141 thùng, tương đương 19.240 quyển, tổng giá trị ghi trên bì là 303.200.000đ. Sau khi được chiết khấu 25%, số tiền thực tế mà N pH trả là 227.400.000đ.

- Ngày 30/5/2024, D gửi 10 thùng sách gồm: Vở Bài tập Tiếng Việt lớp 2 tập 1, tổng số 1.750 cuốn, số tiền theo giá bì là 24.500.000đ. Sau khi trừ chiết khấu 25%, N pH trả cho D số tiền là 18.375.000đ.

- Ngày 09/6/2024, D gửi cho N sách Tiếng Anh, sách Bài tập Tiếng Anh lớp 1 và 2 (Bộ I Learn Smart), mỗi đầu 01 thùng. Tổng số thùng sách N nhận là 04

thùng bằng 485 cuốn; tổng giá bìa của số sách trên là 35.580.000đ. Sau khi trừ chiết khấu 50% N pH trả 17.790.000đ.

- Ngày 25/6/2024, D gửi cho N sách Tiếng Anh (bộ I Learn Smart) lớp 3, 4, mỗi loại 100 cuốn, lớp 5 (60 cuốn); sách bài tập Tiếng Anh (bộ I Learn Smart) lớp 2, 01 thùng = 115 cuốn, tổng số 375 cuốn. Tổng giá trị theo bìa của số sách trên là 29.400.000đ, giá thực tế pH trả sau chiết khấu 50% là 14.700.000đ.

- Ngày 12/7/2024: D gửi cho N các đầu sách gồm: Sách Tiếng Anh lớp 4 và lớp 7, sách bài tập Tiếng Anh lớp 7 (bộ Global succes), số lượng mỗi đầu 01 thùng, tổng số 250 cuốn. Tổng giá trị theo bìa của số sách trên là 15.350.000đ, giá thực tế pH trả sau chiết khấu 40% là 9.210.000đ.

Nhận số lượng sách từ D như trên, đến ngày 13/7/2024, N tiếp tục đặt thêm D sách Thực hành Tiếng Việt lớp 1, 50 bộ thành 100 cuốn; thực hành Tiếng Việt lớp 2, 30 bộ bằng 60 cuốn; thực hành Tiếng Việt lớp 3, 20 bộ thành 40 cuốn; thực hành Toán lớp 1, 20 bộ thành 40 cuốn; thực hành Toán lớp 2, 20 bộ thành 40 cuốn. Tổng số sách N đặt mua của D đơn này là 280 cuốn, với tổng giá trên bìa là 10.210.000đ. Số sách này, D chiết khấu cho N 35%, số tiền thực tế N pH trả sau chiết khấu là 6.636.500đ. Như vậy, từ ngày 26/5/2024 đến 13/7/2024, Lê Thị N đã mua của Lê Anh D tổng cộng 22.380 cuốn sách giả các loại với tổng giá trị theo bìa là 418.240.000đ, số tiền thực tế pH trả sau chiết khấu là 294.111.500đ. Đến nay, N đã thanh toán cho D được 245.000.000đ bằng tiền mặt, còn nợ lại 49.111.500đ.

Số sách giả mua từ D, N đã bán ra ngoài thị trường 21.926 cuốn, thu về tổng số tiền theo giá trị trên bìa 407.326.000đ, còn lại 454 cuốn với tổng giá trị theo giá bìa là 10.914.000đ, N đã tự nguyện giao nộp tại thời điểm Công an huyện Quảng Xương kiểm tra hành chính vào ngày 14/7/2024 là 134 cuốn và khi bị Cơ quan An ninh Điều tra thi hành lệnh khám xét vào ngày 02/10/2024 N đã tự nguyện giao nộp 320 cuốn. Tại Cơ quan điều tra, N khai bán số sách giả trên ra ngoài thị trường với mức chiết khấu từ 05 - 10% cho khách hàng nhưng không có tài liệu chứng minh. Do đó, số tiền thu L bất chính của N bằng tổng số sách bán ra với giá trị trên bìa trừ đi số tiền chiết khấu sau khi pH trả cho D là 407.326.000đ - 294.111.500đ. Như vậy, số tiền N được hưởng L từ việc bán sách giả là 103.214.500đ. Ngày 02/10/2024, Lê Thị N đã đến Công an tỉnh Thanh Hóa xin đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

6. Hành vi phạm tội của Lê Viết H: Tháng 9/2018, H thành lập và giữ chức vụ Giám đốc, người Đ diện theo pháp luật của Công ty TNHH DV-TM Văn phòng phẩm H - Tuyết, trụ sở tại số nhà 60 đường Quang Trung, tiểu khu 6, phường H Hòa, thị xã Nghi Sơn. Sau đó, H mở cửa hàng kinh doanh sách và văn phòng phẩm lấy tên là “Hiệu sách văn hóa thị xã Nghi Sơn” trực thuộc Công ty. Do khách hàng thường gọi tên cửa hàng theo tên vợ cH H (vợ là Lê Thị Tuyết) nên nhà sách còn có tên khác là Nhà sách H Tuyết (gọi là Nhà sách H Tuyết). Đến khoảng tháng 10/2019, H mở thêm cơ sở 2 của Nhà sách H Tuyết tại Tổ dân phố Dự Quần 1, phường Xuân Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình kinh doanh sách, văn phòng phẩm, H thường xuyên đến nhà sách Việt Lý tại phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa để nhập hàng nên đã quen biết với Lê Anh D. Khoảng đầu tháng 4/2024, D gọi điện mời chào H mua sách, D nói: “Anh ôm được sách của Nhà xuất bản Giáo dục nhưng là hàng trốn thuế, nên được chiết khấu cao, nếu em lấy thì anh để chiết khấu 45%”. Nghe G thiệu, H biết sách D mời chào là sách giả nên chưa đồng ý mua. Đến ngày 18/4/2024, khi H đang đi Hà Nội khám bệnh thì D tiếp tục gọi điện mời chào mua sách. Thấy giá sách D bán chiết khấu cao, tiền chưa pH thanh toán Ny nên H đã đồng ý nhập sách giả của D về bán.

Sau khi tính toán nhu cầu thực tế của thị trường, H đã đặt mua với D: Vở Bài tập Tiếng Việt tập 1 + tập 2 từ lớp 1 đến lớp 4 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (bộ sách kết nối trí thức), mỗi khối lớp đặt 3000 bộ. Vở Bài tập Toán tập 1 + tập 2 từ lớp 1 đến lớp 4 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (bộ sách kết nối trí thức), mỗi khối lớp đặt 3000 bộ. Sách Tiếng Anh (Student's Book) và Sách Bài tập Tiếng Anh (Work Book) từ lớp 01 đến lớp 09 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (bộ Global Success), các lớp 1, 2, 5, 6, 7, 9 đặt 1000 bộ, các lớp 3, 4, 8 đặt 2000 bộ. H nói với D: “Anh tính toán như thế nào rồi bác, nhưng tốt nhất là bác cho em một phát luôn thôi đỡ pH lẻ tẻ nhiều lần”; do không đủ sách cùng lúc nên D đã giao cho H thành 05 đợt. Cụ thể:

- Đợt 1: Khoảng 16 giờ chiều ngày 22/4/2024, D gọi điện dặn H chuẩn bị nơi để sách để đến tối D cho người giao sách. Lúc này, tại hai cơ sở của nhà sách H Tuyết không còn chỗ để nên H đã mượn nhà kho đang để trống của anh Lê Anh T, sinh năm 1983, trú tại TDP Dự Quần 1, phường Xuân Lâm, thị xã Nghi Sơn để chứa sách và anh T đồng ý. Đối với đợt giao hàng này, D giao cho H các đầu sách gồm: Vở bài tập Toán và vở bài tập Tiếng Việt từ lớp 1 đến lớp 4, tổng 373 thùng với số lượng 49.056 cuốn, tổng giá trị theo bì là 785.350.000đ (bảy trăm tám mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng), sau khi được chiết khấu 27%, số tiền thực tế mà H pH trả cho D là 573.305.500đ.

- Đợt 2: Ngày 08/5/2024, D giao cho H các đầu sách Tiếng Anh và bài tập Tiếng Anh các lớp 3,4,6,7 và 8. Tổng 144 thùng với số lượng 14.890 cuốn, tổng giá trị theo bì là 689.300.000đ (sáu trăm tám mươi chín triệu, ba trăm nghìn đồng), sau khi được chiết khấu 47%, số tiền thực tế mà H pH trả cho D là 365.329.000đ.

- Đợt 3: Ngày 24/5/2024, D giao cho H các đầu sách Tiếng Anh và bài tập Tiếng Anh các lớp 1,2,3,4 và 8. Tổng 116 thùng với số lượng 13.010 cuốn, tổng giá trị theo bì là 605.995.000đ (sáu trăm lẻ năm triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng), sau khi được chiết khấu 47%, số tiền thực tế mà H pH trả cho D là 321.177.350đ.

- Đợt 4: Ngày 31/5/2024, D giao cho H 45 thùng sách gồm các đầu sách: Sách Tiếng Anh và sách bài tập Tiếng Anh lớp 6, sách bài tập Tiếng Anh lớp 7, tổng số là 4.660 cuốn, tổng giá trị theo bì là 206.840.000đ (hai trăm lẻ sáu triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng), sau khi được chiết khấu 47%, số tiền thực tế H pH trả cho D là 109.625.200đ.

- Đợt 5: Ngày 07/6/2024, D giao cho H 49 thùng sách, gồm các đầu sách Tiếng Anh và sách bài tập Tiếng Anh lớp 5 và lớp 9, tổng số là 4.945 cuốn, tổng

giá trị theo bì là 262.540.000đ (Hai trăm sáu hai triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng), sau khi được chiết khấu 47%, số tiền thực tế mà H pH trả cho D là 139.146.200đ.

Như vậy, từ ngày 22/4/2024 đến ngày 07/6/2024 H đã mua của D là 86.570 cuốn (727 thùng), tổng giá trị theo bì là 2.550.025.000đ, sau khi trừ đi phần trăm chiết khấu, tiền pH thanh toán thực tế là: 1.508.583.500. Đến ngày 06/7/2024, H đã chuyển khoản trả cho D 700.000.000đ (gửi vào số tài khoản của Đặng Quang Phú, SN 1974, trú tại số 10/118 Cát Cụt, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, H Phòng để D trả nợ cho Nguyễn Thị L). Số tiền còn lại H chưa thanh toán là 808.583.250đ.

Số sách giả mua của D, H đã bán ra thị trường 29.869 cuốn, thu về tổng số tiền 972.072.000đ; số sách còn lại khi Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Thanh Hoá khám xét khẩn cấp đã thu giữ. Tại Cơ quan điều tra, H khai bán số sách giả nêu trên pH chiết khấu cho khách hàng từ 05 - 10% so với giá bì nhưng không có tài liệu chứng cứ đối với việc chiết khấu này. Do đó, số tiền H thu L bất chính từ việc bán sách giả là 272.072.000đ (972.072.000đ - 700.000.000đ). Ngày 24/9/2024, Lê Viết H đã đến Công an tỉnh Thanh Hoá xin đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Kết quả xác minh tại Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam:

- Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam không ký kết, hợp đồng để in ấn, gia công hoàn thiện sách giáo khoa với xương in của Nguyễn Đình K tại thôn Tương Chúc, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội xác định: Nguyễn Đình K không được cấp phép kinh doanh và không pH là thành viên góp vốn của pháp nhân nào trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Sở thông tin và Truyền thông Hà Nội và UBND huyện Thanh Trì, Hà Nội chưa cấp Giấy phép hoạt động in/Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in đối với các cơ sở có địa chỉ tại thôn Tương Chúc, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Kết quả trưng cầu giám định toàn bộ số sách, tem đã thu giữ:

* *Tại các Bản giám định số: 2764/KL-KTHS; số: 765/KL-KTHS ngày 26/7/2024; số: 4001/KL-KTHS ngày 23/10/2024 và số 4199/KL-KTHS ngày 07/11/2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, Kết luận:*

- Tất cả các tem tròn dán phía sau số sách (nghỉ là sách giả) của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam gồm: Thu giữ trên xe của Nguyễn Văn Đ (trừ 01 quyển có dán mã ten NQQEAAKXD); Do Nguyễn Văn Đ giao nộp; Thu giữ trên xe của Lê Mạnh C; Thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của Nguyễn Thị L tại phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Do Nguyễn Văn Đ giao nộp trong quá trình khám xét nơi làm việc của Nguyễn Thị L tại phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của Lê Anh D; 07 thùng sách do Nguyễn Thị L giao nộp; Thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của Nguyễn Thị Thu H; Thu giữ trong quá trình khám xét xưởng của Nguyễn Đình K; thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của Lê Văn Q; thu giữ trong quá trình khám xét 02 nơi làm việc của Lê Viết H; do Lê Viết H tự

nguyện giao nộp; Thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của Lê Văn L so với tem mẫu so sánh thu của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam không cùng bản in in ra.

- Số tem thu giữ trong quá trình khám xét nơi làm việc của Nguyễn Đình K tại thôn Tương Chúc, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội so với tem mẫu so sánh do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cung cấp không cùng bản in in ra.

- Số tem thu giữ trong quá trình khám xét nơi làm việc của Nguyễn Đình K tại thôn Tương Chúc, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội so với tem có số seri GX2QP3KW4 dán phía sau sổ sách thu giữ tại các đầu mối ở Thanh Hóa do cùng 1 bản in in ra.

** Tại Bản giám định số 3733/KL-KTHS ngày 09/10/2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa và Biên bản giám định tại chỗ ngày 12/11/2024 của Nhà xuất bản Đ học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh và Nhà xuất bản Đ học Huế, Kết luận:* Tất cả sổ sách của Nhà xuất bản Đ học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh và Nhà xuất bản Đ học Huế thu giữ gồm: Thu trên xe của Nguyễn Văn Đ; thu của Nguyễn Văn Đ giao nộp; Thu giữ xe của Lê Mạnh C; thu giữ do Nguyễn Văn Đ giao nộp trong quá trình khám xét nơi làm việc của Nguyễn Thị L tại phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của Lê Văn Q đều là sách giả.

** Biên bản giám định tại chỗ ngày 12/11/2024 của Nhà xuất bản Đ học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh và Nhà xuất bản Đ học Huế xác định:* Sổ sách thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của Đặng Quang Phú là sách thật.

** Tại biên bản giám định tại chỗ ngày 23/07/2024 và 07/11/2024 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Kết luận:*

- Sổ sách do Lê Thị N giao nộp cho Công an huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa là sách giả.

- Sổ sách thu giữ trong quá trình khám xét nơi làm việc của Nguyễn Thị L tại phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa là sách thật.

** Tại kết luận số 8391/KL-KTHS ngày 06/11/2024 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an xác định:* Máy in phun màu tại cửa hàng In nhanh Pro không in ra các tem giả dán trên tất cả sổ sách thu giữ trong vụ án. Không đủ cơ sở kết luận máy in Lazer tại cửa hàng In nhanh Pro in ra các tem giả dán trên tất cả sổ sách thu giữ trong vụ án.

** Tại kết luận số 4349/KL-KTHS ngày 14/11/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa:* Không khôi phục được dữ liệu trong ổ cứng thu giữ trong máy của Nguyễn Đình K (do ổ cứng đã bị hư hỏng).

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Đức T; Nguyễn Văn G; Nguyễn Thị Thu H; Đới Sỹ Đ; Nguyễn Thị L; Lê Anh D; Nguyễn Văn Đ; Lê Viết H và Lê Thị N đã thành khẩn khai báo, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai người làm chứng và các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Nguyễn Thị L đã tự nguyện giao nộp 10.000.000đ; Lê Viết H đã tự nguyện giao nộp 20.000.000đ; Lê Thị

Nhã tự nguyện giao nộp 20.000.000đ và Lê Anh D đã tự nguyện giao nộp 10.000.000đ tiền thu lời bất chính.

Hành vi của các cá nhân liên quan trong vụ án:

- Đối với các trường hợp đã cung cấp giấy, mực in, bản kẽm và các vật liệu cho Nguyễn Đình K sản xuất sách giả nhưng Do K đã chết nên không có cơ sở để xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

- Đối với người có tên Oanh đã G thiệu cho Nguyễn Thị L mua sách giả của Nguyễn Thị Thu H và đầu mỗi bán sách giả tại Đà Nẵng. Tuy nhiên, theo L và Hà khai không biết rõ họ tên địa chỉ của Oanh; đối với người bán sách theo L khai tại Đà Nẵng nhưng khi mua sách giữa L và người này chỉ giao dịch trên ứng dụng Telegram, trả bằng tiền mặt, ngoài ra không có thông tin nào khác nên không có căn cứ xác minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với anh Nguyễn Văn Đ (cH bị cáo L), anh Lê Văn Lương (cH bị cáo N), chị Lê Thị Tuyết (vợ bị cáo H) và anh Đỗ Duy Hưởng - Nhân viên đứng quầy tại Cơ sở 2 Nhà sách H Tuyết. Quá trình điều tra đã làm rõ, những người này mặc dù có mối quan hệ gia đình thân thiết. Tuy nhiên, việc các bị cáo buôn bán sách giả Anh Đ, anh Lương, chị Tuyết và anh Hưởng đều không biết nên không có căn cứ để xử lý những người này đồng phạm với các bị cáo về tội “Buôn bán hàng giả”.

- Đối với anh Lê Mạnh C được Nguyễn Thị L thuê vận chuyển sách vào ngày 13/7/2024. Tuy nhiên, trong quá trình vận chuyển, anh C không biết là sách giả nên Cơ quan An ninh điều tra không xử lý anh Lê Mạnh C là phù hợp.

- Đối với anh Trịnh Năng P đã cho Nguyễn Đình K thuê xưởng sản xuất, chị Vũ Thị Thúy H đã cho K gửi sách và các phụ kiện in. Quá trình điều tra đã làm rõ, việc thuê xưởng để sản xuất sách giả cũng như việc gửi sách và linh kiện in, anh P, chị H hoàn toàn không biết là sách giả nên không có căn cứ để xử lý anh Trịnh Năng P và chị Vũ Thị Thúy H.

- Đối với Nguyễn Văn N - Chủ cơ sở in “In nhanh Pro” có dấu hiệu in tem cung cấp cho K dán vào sách giả. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã làm rõ không có tài liệu, chứng cứ chứng minh số tem mà K và các bị cáo sử dụng dán vào sách giả được in ra từ cơ sở in của anh Nam nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với chị Dương Thị H N, theo K khai là người gia công sách sau in cho K và Phạm Thị Duy là người đã mua sách giả của K. Quá trình điều tra đã làm rõ, ngoài lời khai của K không có tài liệu khác chứng minh. Do đó, không có căn cứ để xem xét xử lý đối với Dương Thị H N và Phạm Thị Thi.

- Đối với anh Nguyễn Xuân H, chị Trịnh Thị H, anh Đặng Quang P, theo Nguyễn Thị L khai ban đầu những người này đã bán sách giả cho L. Tuy nhiên, quá trình điều tra L thay đổi lời khai và không có tài liệu nào chứng minh L đã mua sách của những người này nên không có căn cứ xem xét xử lý.

- Đối với cháu Mai Lan N (con gái Nguyễn Thị Thu H) đã cho H sử dụng tài khoản ngân hàng để nhận tiền bán sách giả từ Nguyễn Thị L và đối tượng Nguyễn

Thị V. Tuy nhiên, việc buôn bán sách giả giữa Hà, L và chị V cháu N hoàn toàn không biết nên không xử lý cháu Mai Lan Nhi là phù hợp.

- Đối với chị Nguyễn Thị V là người đã 01 lần mua sách giả của Nguyễn Thị Thu H. Tuy nhiên, số tiền chị V mua sách tính theo giá bìa là 22.493.000đ, mặt khác chị V không biết sách Hà bán là giả nên hành vi của chị V không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

- Trên sổ sách theo dõi giữa L và D còn có 56 trường hợp là chủ các nhà sách, hiệu sách, cửa hàng đã mua sách của Lê Anh D. Quá trình điều tra đã làm rõ, 28 trường hợp không biết sách D bán là giả và 28 trường hợp hiện nay không xác định được nhân thân lai lịch nên không có căn cứ để xử lý đối với 56 trường hợp này. Tuy nhiên, việc kinh doanh hàng giả, hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ của các trường hợp này có dấu hiệu vi phạm hành chính quy định tại Nghị định 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền L người tiêu dùng nên Cơ quan An ninh điều tra chuyển hồ sơ, tài liệu có liên quan đến các cơ quan và người có thẩm quyền để đề nghị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Về vật chứng đã thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động Xiaomi 11T đã qua sử dụng; Imei: (khe cắm sim 1): 864540058187200; Imei: (khe cắm sim 2): 864540058187238, của Nguyễn Thị L.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A71 màu trắng, số Imei1: 353408111670129; số Imei2: 353409111670127 của Nguyễn Thị Thu H.

- 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy A22 5G, màu tím, số Imei 1: 3572971284340747; số Imei 2: 357752234340748 của Nguyễn Đình K.

- 01 (một) ổ cứng SSD nhãn hiệu Adata, bên ngoài có ghi “SP580”; 01 (một) máy tính bàn có in dòng chữ kenoo bên trong có các linh kiện gắn kèm (trừ ổ cứng); 159 (một trăm năm chín) tờ giấy Decan bên trên có in các tem hình chữ nhật có in mã QR và các dãy số seri; 30 (ba mươi) quyển sách các loại thu giữ trong quá trình khám xét xưởng của Nguyễn Đình K.

- 450 (bốn trăm năm mươi) quyển sách giả liên quan đến Lê Thị N (nhà sách N Lương).

- Giấy tờ xe: 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số DA 0507535; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 030580 mang tên chủ xe Nguyễn Văn Đ.

- 194 (một trăm chín tư) cuốn sách giả các loại lấy trích mẫu phục vụ công tác giám định; 167 (một trăm sáu bảy) tem tròn có số seri GX2QP3KW4; 98.116 (chín tám nghìn, một trăm mười sáu) cuốn sách các loại được niêm phong trong 190 thùng xốp, thùng catton và 328 bì xắc rắn; 02 (hai) chai nhựa có kích thước lần lượt là (18x23)cm và (9,5x18) cm, bên trong 02 chai có chứa dung dịch dạng nhót màu nâu (nước rửa bồn); 02 (hai) gói bột màu trắng (được đựng trong 01 thùng bìa các tông) ngoài bao bì có in các chữ Trung Quốc màu xanh lá cây (phụ gia pha mực in); 01 (một) chiếc can nhựa màu xanh nước biển, kích thước

(30x34x40)cm, bên trong can có đựng chất lỏng không xác định thể tích (dầu hỏa); 04 (bốn) hộp hình trụ bằng kim loại đều có kích thước là: cao 14cm, đường kính 16cm. Mỗi hộp có dán tem màu sắc khác nhau, gồm 04 màu: Xanh, vàng, H, đen (hộp mực); 812 (tám trăm mười hai) tấm kẽm, kích thước của từng tấm kẽm là (80cm x103cm); 03 (ba) cH giấy in bán thành phẩm (đã in xong, chưa cắt, chưa có bìa, không kiểm đếm số tờ); 01 (một) máy Scan nhãn hiệu HP, model: HP Scanjet G4010 (không kiểm tra tình trạng hoạt động);

- Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), chuyển đến Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thanh Hóa để chờ giải quyết theo vụ án.

- Số vật chứng còn lại: Tiếp tục tạm giao cho anh Nguyễn Văn Đ bảo quản 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI KONA màu trắng, BKS 36A-752.01.

- Tạm giao cho anh Nguyễn Đình Khương (em trai Nguyễn Đình K) bảo quản gồm: 01 (một) máy xén giấy không rõ nhãn hiệu, kích thước 192cm x 230cm x 144cm; 01 (một) máy in OFFSET nhãn hiệu Akiyama, model: Mabeg, số máy: No.65273. Tổng kích thước của máy là 200cm x 800cm x 240cm; 01 (một) chiếc bàn bằng kim loại, kích thước 78cm x 120cm x 77cm; 01 (một) cH giấy trắng (giấy in) có kích thước 58cm x 82cm x 08cm.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS-P3 ngày 26/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo: Nguyễn Đức T và Nguyễn Văn G về tội “Sản xuất hàng giả”, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 192 Bộ luật Hình sự (BLHS); Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Thu H, Đới Sỹ Đ, Lê Anh D; Nguyễn Văn Đ; Lê Viết H về tội “Buôn bán hàng giả”, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 192 BLHS và Lê Thị N về tội “Buôn bán hàng giả”, quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 192 BLHS. Tại phiên toà, Đ diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố của VKSND tỉnh Thanh Hóa đối với các bị cáo về hành vi nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng: Điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 192; Điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54 và Điều 58 BLHS, xử phạt:

- Nguyễn Thị L từ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng đến 05 (năm) năm tù.
- Lê Anh D từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.
- Nguyễn Thị Thu H từ 42 (bốn hai) tháng đến 48 (bốn tám) tháng tù.
- Đới Sỹ Đ từ 36 (ba sáu) tháng đến 42 (bốn hai) tháng tù.
- Nguyễn Văn Đ từ 36 (ba sáu) tháng đến 42 (bốn hai) tháng tù.

Áp dụng: Điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 192; Điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 (thêm điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Lê Viết H); Điều 17; Điều 50; Điều 54 và Điều 65 BLHS, xử phạt:

- Lê Viết H, Nguyễn Đức T và Nguyễn Văn G mỗi bị cáo 36 (ba sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng.

Áp dụng: Điểm đ, e khoản 2, khoản 4 Điều 192; Điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54 và Điều

58 BLHS, xử phạt bị cáo Lê Thị Nữ 24 (hai bốn) tháng đến 30 (ba mươi) tháng tù.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2025/HS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ: Điều 192 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Anh D, Nguyễn Thị Thu H, Đới Sỹ Đ, Nguyễn Văn Đ; Lê Thị N phạm tội “Buôn bán hàng giả”.

Áp dụng: Điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 192; Điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2024 đến ngày 31/10/2024 được trừ vào thời gian chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

2. Xử phạt: Bị cáo Lê Anh D 04 (bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2024 đến ngày 31/10/2024 được trừ vào thời gian chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

3. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H 42 (bốn hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2024 đến ngày 31/10/2024 được trừ vào thời gian chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

4. Xử phạt: Bị cáo Đới Sỹ Đ 39 (ba chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2024 đến ngày 31/10/2024 được trừ vào thời gian chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

Áp dụng: Điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 192; Điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

5. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 36 (ba sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

Áp dụng: Điểm đ, e khoản 2, khoản 4 Điều 192; Điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

9. Xử phạt: Bị cáo Lê Thị N 30 (ba mươi) tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Lê Viết H, Nguyễn Văn G và Nguyễn Đức T; quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Anh D, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn Đ, Đới Sỹ Đ và Lê Thị N đều kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Anh D, Nguyễn Thị Thu H và Đới Sỹ Đ xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ thay đổi nội dung kháng cáo, nếu không được hưởng án treo thì bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Lê Thị Nghiữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Các bị cáo thừa nhận diễn biến hành vi phạm tội đúng như quy kết của Tòa án cấp sơ thẩm; quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ trình bày: Bị cáo là em ruột của bị cáo Nguyễn Thị L, bị cáo ở cùng nhà với bố mẹ; bị cáo L gửi hàng ở nhà của bố mẹ bị cáo, ban đầu bị cáo không biết đó là sách giáo khoa giả, sau này khi giúp bị cáo L phân loại sách để gửi đi theo địa chỉ do bị cáo L yêu cầu thì bị cáo mới nghĩ đó là sách giả ; bị cáo chưa được hưởng tiền cho thuê nhà, chưa được nhận tiền công. Khi bị điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải ; sau khi có bản án sơ thẩm bị cáo đã nộp tiền phạt của bản án là 20.000.000 đồng và án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo để ở nhà chăm sóc bố mẹ già và gia đình.

Bị cáo Lê Thị N trình bày: Bị cáo mở cửa hàng nhỏ bán tạp hóa và văn phòng phẩm phục vụ học sinh trong thị trấn nơi bị cáo sinh sống, qua đó bị cáo được bị cáo D G thiêu sách giáo khoa có chiết khấu về bán thêm để có thêm thu nhập nên không nghĩ mình phạm tội. Do nhận thức hạn chế nên nay vô cùng hối hận ; hoàn cảnh gia đình khó khăn không có việc làm ổn định, con còn nhỏ. Bị cáo ăn năn hối cải nên sau khi có bản án sơ thẩm đã nộp đủ toàn bộ số tiền bị tiền truy thu và tiền phạt theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Đ diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Anh D, Nguyễn Thị Thu H, Đới Sỹ Đ tự nguyện rút đơn kháng cáo; đề nghị HĐXX căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo L, D, Hà và Đới Sỹ Đ.

- Về nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt, xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Lê Thị N: Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Buôn bán hàng giả” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 192 Bộ luật Hình sự; là đúng người, đúng tội, không oan. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, về nhân thân của các bị cáo và tuyên mức án đối với các bị cáo là phù hợp.

Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ: Tại bản án sơ thẩm đã xác định bị cáo có hành vi giúp sức tích cực cho bị cáo L buôn bán toàn bộ số lượng hàng giả có giá trị trên 8,7 tỷ đồng là rất lớn. Khi quyết định hình phạt đã xem xét đủ các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo 36 tháng tù và phạt tiền 20 triệu đồng; nay bị cáo đã nộp tiền phạt nhưng xét thấy hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị N: Số lượng sách bị cáo bị quy kết theo ghi trên bìa sách là 418 triệu đồng nên khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đủ tình tiết giảm nhẹ và phạt bị cáo 30 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên tại phiên tòa, bị cáo đã nộp hết toàn bộ số tiền thu lời bất chính, nộp hết tiền phạt theo bản án; bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục.

Các bị cáo tại cấp phúc thẩm có thêm một số tình tiết mới, tuy đã rút kháng cáo cũng cần được ghi nhận để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử không có người tham gia tố tụng nào khiếu nại về hành vi tố tụng của những người tiến hành tố tụng, nên các tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ là hợp pháp. Đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Anh D, Nguyễn Thị Thu H và Đối Sĩ Đ đều tự nguyện rút kháng cáo. Xét thấy, việc rút kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, HĐXX căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Văn Đ thay đổi kháng cáo, nếu không được HĐXX chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo thì bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Lê Thị Ngừ nguyên kháng cáo.

Tại phiên tòa có thêm các tài liệu mới. Cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Thị L cung cấp các Biên lai số 0000014 ngày 30/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa nộp số tiền 50.000.000 đồng; biên lai số 0000140 ngày 26/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa nộp số tiền 140.000.000 đồng tiền phạt và tiền truy thu sung quỹ nhà nước theo bản án sơ

thẩm và Biên lai số 0000722 ngày 06/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ nộp biên lai số 0000139 ngày 26/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa nộp số tiền 20.000.000 đồng tiền sung quỹ nhà nước theo bản án sơ thẩm và biên lai số 0000724 ngày 06/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đới Sỹ Đ nộp biên lai số 0000451 ngày 16/7/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa nộp số tiền 17.556.862 đồng tiền sung quỹ nhà nước theo bản án sơ thẩm và biên lai số 0000740 ngày 08/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu H nộp biên lai số 0000138 ngày 26/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa nộp số tiền 30.000.000 đồng tiền phạt theo bản án sơ thẩm và biên lai số 0000458 ngày 17/7/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa nộp số tiền 17.556.862 đồng tiền sung quỹ nhà nước theo bản án sơ thẩm và biên lai số 0000723 ngày 06/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Anh D nộp biên lai số 0003400 ngày 18/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Thị N nộp biên lai số 0000143 ngày 27/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa nộp số tiền 69.111.500 đồng tiền phạt và tiền truy thu sung quỹ nhà nước theo bản án sơ thẩm và biên lai số 0000725 ngày 06/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các tài liệu mới này đã được công khai tranh tụng tại phiên tòa nên cần được ghi nhận là áp dụng cho các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo L, D, Hà và Đới Sỹ Đ tự nguyện rút kháng cáo. Việc rút kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, HĐXX căn cứ Điều 348 BLTTHS, quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo.

[2] Về nội dung, xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn Đ và kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Lê Thị N:

Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai xác nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình đúng như quy kết tại bản án sơ thẩm là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Theo đó, đủ cơ sở xác định:

[2.1] *Về hành vi sản xuất hàng giả:* Từ năm 2023 đến tháng 7/2024, Nguyễn Đình K đã cùng đồng phạm tổ chức sản xuất, in ấn gần 40.000 quyển sách giáo khoa giả các loại của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam và các Nhà xuất bản khác với tổng giá trị theo giá in trên bìa là 2.166.879.889đ; đồng thời đã tiêu thụ được khoảng 25.000 cuốn sách giả, tổng trị giá theo giá in trên bìa là 1.497.942.889đ, giá bán thực tế là 564.443.276đ và đã được thanh toán đủ số tiền này; trong đó có sổ sách xác định dựa vào giao dịch của Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị Thu H có tổng giá trị theo bìa là 62.450.000đ.

[2.2] Về hành vi buôn bán hàng giả:

[2.2.1] Bị cáo Nguyễn Thị Thu H và bị cáo Đới Sỹ Đ, từ tháng 7/2023 đến tháng 7/2024 đã mua khoảng 25.000 quyển sách giáo khoa giả các loại của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam của Nguyễn Đình K, tổng trị giá theo giá in trên bìa là 1.497.942.889đ giá mua thực tế là 564.443.276đ đã thanh toán toàn bộ số tiền mua sách.

[2.2.2] Từ tháng 7/2023 - 13/7/2024, bị cáo Nguyễn Thị L đã mua khoảng 24.000 quyển sách giáo khoa giả các loại của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam của Nguyễn Thị Thu H và Đới Sỹ Đ, tổng trị giá theo giá in trên bìa là 1.475.449.889đ giá mua thực tế là 643.326.000đ. Ngoài ra, L còn mua 1000 thùng sách giả các loại của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, Nhà xuất bản Thành Phố Hồ Chí Minh và các Nhà xuất bản khác của một đầu mỗi bán sách giả tại Đà Nẵng, theo giá trị in trên bìa là 7.252.847.111đ. Đến nay L đã thanh toán cho Hà và Đ được 334.980.000đ, còn nợ lại 308.382.000đ; Đối với số tiền mua tại đầu mỗi trong Đà Nẵng L khai đã thanh toán hết.

[2.2.3] Từ tháng 7/2023 - 7/2024, Nguyễn Văn Đ đã giúp sức cho Nguyễn Thị L cắt dấu sách giả tại nhà riêng của mình, đồng thời soạn, đóng sách giả để chuyển bán cho khách hàng theo sự chỉ đạo của L.

[2.2.4] Từ cuối năm 2023 - 7/2024, Lê Anh D đã mua sách giáo khoa giả các loại của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh và các Nhà xuất bản khác của Nguyễn Thị L với giá trị niêm yết trên bìa là 7.484.933.000đ, số tiền thực tế D trả cho L sau chiết khấu là 4.031.305.066đ. Đến nay D đã trả cho L được 2.030.000.000đ còn nợ lại 2.001.305.066đ.

[2.2.5] Từ ngày 26/5/2024 - 13/7/2024, Lê Thị N đã mua của D tổng cộng 22.380 quyển sách giáo khoa giả các loại với tổng giá trị in trên bìa là 418.240.000đ, số tiền thực tế N trả sau chiết khấu là 294.111.500đ. Số sách giả mua của D, N đã bán được 21.926 cuốn, thu về tổng số tiền theo giá trị trên bìa 407.326.000đ, số sách còn lại bị Cơ quan An ninh Điều tra thu giữ. Đến nay, N đã thanh toán cho D được 245.000.000đ bằng tiền mặt, còn nợ lại 49.111.500đ. Số tiền N được hưởng L từ việc bán sách giả là 103.214.500đ.

Do đó, tại bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Đới Sỹ Đ, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Đ, Lê Anh D và Lê Viết H phạm vào tội: “Buôn bán hàng giả”, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 192 BLHS và hành vi của Lê Thị N đã phạm vào tội: “Buôn bán hàng giả”, quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 192 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Lê Viết H, Nguyễn Đức T và Nguyễn Văn G đều không kháng cáo; các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Đới Sỹ Đ; Nguyễn Thị L, Lê Anh D có kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã tự nguyện rút kháng cáo, HĐXX phúc thẩm quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị L đã mua khoảng 24.000 quyển sách giáo khoa giả các loại của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam của Nguyễn Thị Thu H và Đới Sỹ Đ, tổng trị giá theo giá in trên bìa là 1.475.449.889đ, giá mua thực tế là 643.326.000đ. Ngoài ra, L còn mua 1000 thùng sách giả các loại của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, Nhà xuất bản Thành Phố Hồ Chí Minh và các Nhà xuất bản khác của một đầu mỗi bán sách giả tại Đà Nẵng, theo giá trị in trên bìa là 7.252.847.111đ. Đến nay L đã thanh toán cho Hà và Đ được 334.980.000đ; còn nợ lại 308.382.000đ; Đối với số tiền mua tại đầu mỗi trong Đà Nẵng L khai đã thanh toán hết. Số sách này được bị cáo Nguyễn Văn Đ đã giúp sức cho Nguyễn Thị L cất dấu sách giả tại nhà riêng của mình, đồng thời còn có hành vi soạn, đóng sách giả để chuyển bán cho khách hàng theo sự chỉ đạo của L. Như vậy xác định bị cáo có vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo L nên là đồng phạm cùng pH chịu trách nhiệm đối với tổng giá trị sách giả là trên 08 tỷ đồng là số tiền rất lớn. Tại bản án sơ thẩm đã xem xét đủ các tình tiết giảm nhẹ và phạt bị cáo 03 năm tù là phù hợp. Nay không có căn cứ chấp nhận kháng cáo để giảm thêm hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn Đ.

[4] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Lê Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong khoảng thời gian ngắn từ ngày 26/5/2024 - 13/7/2024, Lê Thị N đã mua của D tổng cộng 22.380 quyển sách giáo khoa giả các loại với tổng giá trị in trên bìa là 418.240.000đ, số tiền thực tế N pH trả sau chiết khấu là 294.111.500đ. Số sách giả mua của D, N đã bán được 21.926 cuốn, thu về tổng số tiền theo giá trị trên bìa 407.326.000đ, số sách còn lại bị Cơ quan An ninh Điều tra thu giữ. Đến nay, N đã thanh toán cho D được 245.000.000đ bằng tiền mặt, còn nợ lại 49.111.500đ. Số tiền N được hưởng L từ việc bán sách giả không lớn chỉ là 103.214.500đ. Bị cáo mua lại sách giáo khoa giả do D G thiếu về bán cùng với các hàng hóa văn phòng phẩm; bị cáo kinh doanh văn phòng phẩm và đồ dùng học sinh, việc bán sách giáo khoa giả không pH là mặt hàng kinh doanh chính; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, pH bị cáo tham gia trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh Thú y công tác xa nhà, nhận thức của bị cáo hạn chế, nay đã ăn năn hối cải, đã nộp hết tiền thu lời bất chính, tiền phạt sung quỹ nhà nước, án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó có căn cứ để cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

Quan điểm, đề nghị của Đ diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Anh D, Đới Sỹ Đ, Nguyễn Thị Thu H và Lê Thị N không pH chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Nguyễn Văn Đ pH chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 348; các điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Thu H, Lê Anh D, Đới Sỹ Đ. Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2025/HS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đối với các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Anh D, Nguyễn Thị Thu H và Đới Sỹ Đ có hiệu lực pháp luật, cụ thể như sau:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Anh D, Nguyễn Thị Thu H, Đới Sỹ Đ, Nguyễn Văn Đ và Lê Thị N phạm tội “Buôn bán hàng giả”.

Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 192; Điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

Bị cáo **Nguyễn Thị L** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2024 đến ngày 31/10/2024 được trừ vào thời gian chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo **Lê Anh D** 04 (bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2024 đến ngày 31/10/2024 được trừ vào thời gian chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo **Nguyễn Thị Thu H** 42 (bốn hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2024 đến ngày 31/10/2024 được trừ vào thời gian chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo **Đới Sỹ Đ** 39 (ba chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2024 đến ngày 31/10/2024 được trừ vào thời gian chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ; giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2025/HS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025

của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ, cụ thể như sau:

Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 192; Điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Đ** 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

3. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị N; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2025/HS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đối với bị cáo Lê Thị N, cụ thể như sau:

Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 192; Điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Thị N** 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Lê Thị N cho Ủy ban nhân dân xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hóa; giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước đó và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Anh D, Nguyễn Thị Thu H, Đới Sỹ Đ và Lê Thị N, mỗi bị cáo không phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận:

- Tại Biên lai số 0000014 ngày 30/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, bị cáo Nguyễn Thị L đã nộp số tiền 50.000.000 đồng; biên lai số 0000140 ngày 26/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa nộp số tiền 140.000.000 đồng tiền phạt và tiền truy thu sung quỹ nhà nước theo bản án sơ thẩm và Biên lai số 0000722 ngày 06/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Tại Biên lai số 0000139 ngày 26/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã nộp số tiền 20.000.000 đồng tiền sung quỹ nhà nước theo bản án sơ thẩm và biên lai số 0000724 ngày 06/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Tại Biên lai số 0000451 ngày 16/7/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, bị cáo Đới Sỹ Đ đã nộp số tiền 17.556.862 đồng tiền sung quỹ nhà nước theo bản án sơ thẩm và biên lai số 0000740 ngày 08/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Tại Biên lai số 0000138 ngày 26/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, bị cáo Nguyễn Thị Thu H đã nộp số tiền 30.000.000 đồng tiền phạt theo bản án sơ thẩm và biên lai số 0000458 ngày 17/7/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa nộp số tiền 17.556.862 đồng tiền sung quỹ nhà nước theo bản án sơ thẩm và biên lai số 0000723 ngày 06/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Tại Biên lai số 0003400 ngày 18/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa bị cáo Lê Anh D đã nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Tại Biên lai số 0000143 ngày 27/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, bị cáo Lê Thị N đã nộp số tiền 69.111.500 đồng tiền phạt và tiền truy thu sung quỹ nhà nước theo bản án sơ thẩm và biên lai số 0000725 ngày 06/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện CT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- THAHS CA tỉnh Thanh Hóa;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.TPT./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Đ

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến D

Võ Hồng S

Nguyễn Vũ Đ